

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-ST

Ngày: 31-5-2019.

“V/v Tranh chấp hợp đồng cầm
cổ quyền sử dụng đất và hợp
đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Dá.
2. Ông Nguyễn Công Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2018/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng cầm cổ quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Ngọc T, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã Thanh T, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Kim Điền P, sinh năm 1993 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, thị trấn Phú L, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Theo văn bản ủy quyền ngày 19/6/2018.

Bị đơn: 1/ Ông Võ Sơn K, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

2/ Bà Tạ Kim L, sinh năm 1959 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Z, xã Thanh T, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh L - Phó Giám đốc chi nhánh (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, thị trấn Phú L, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Ông Tạ Thành C, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp X, xã Thạnh T, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông C: Ông Kim Điền P, sinh năm 1993 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, thị trấn Phú L, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

Theo văn bản ủy quyền ngày 04/4/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/6/2018 của nguyên đơn bà Lâm Ngọc T và lời khai tại Tòa án của người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Kim Điền P trình bày:

Vào ngày 15/9/2008 âm lịch, bà T có nhận cầm cố đất ruộng của ông Võ Sơn K và bà Tạ Kim L diện tích 15 công tầm cây tại thửa 534, tờ bản đồ số 07, toạ lạc ấp Z, xã Thạnh T, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng, đất do ông K đứng tên quyền sử dụng, giá cố 09 lượng vàng 24K, thời hạn 06 năm cho chuộc lại, việc cầm cố có làm giấy tay và có chữ ký các bên, có xác nhận của ông Phạm Văn H là Trưởng Ban nhân dân ấp Z, xã Thạnh T và có người chứng kiến bà Tạ Thị Bích H, ông Từ Thanh P. Năm 2014 ông K, bà L đến gặp bà T để thương lượng và yêu cầu được bán cho người khác diện tích 5,5 công tầm cây nằm trong phần diện tích 15 công đã cố để trả nợ, do chỗ bà con, đồng thời ông K và bà L đồng ý trả tiền thuê đất đối với 5,5 công tầm cây nêu trên nên bà T đồng ý cho bán phần diện tích đất này, phần diện tích còn lại 9,5 công tầm cây bà T vẫn đang canh tác. Nay đã quá thời hạn chuộc đất nhưng ông K và bà L vẫn không chuộc lại. Bà T yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố đất giữa bà T với ông K và bà L lập ngày 15/9/2008 âm lịch là vô hiệu toàn bộ, buộc ông K và bà L trả cho bà T số vàng đã nhận cầm cố đất 09 lượng vàng 24K, bà T đồng ý trả lại ông K, bà L toàn bộ phần diện tích đất đã cầm cố. Không yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Ngoài ra, ngày 15/6/2010 âm lịch, bà T có cho bà L vay số tiền 35.000.000

đồng để tiêu dùng trong gia đình, không thỏa thuận lãi suất, không làm giấy tờ, thỏa thuận khi nào cần thì đòi lại, bà T đã nhiều lần đòi nợ nhưng phía bị đơn vẫn chưa hoàn trả. Nay bà T yêu cầu ông K, bà L liên đới trả cho bà một lần đủ số tiền 35.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/9/2018, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Sơn K và bà Tạ Kim L trình bày:

Vợ chồng ông, bà có thống nhất cố đất cho bà Lâm Ngọc T diện tích 15 công tầm cây tại thửa 534, tờ bản đồ số 07, tọa lạc ấp Z, xã Thạnh T, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, đất do ông K đứng tên quyền sử dụng. Thỏa thuận giá cố mỗi công 06 chỉ vàng 24K, tổng cộng 09 lượng vàng 24K. Ông, bà có nhận đủ vàng và có giao đất cho bà T canh tác. Việc cố đất có làm giấy viết tay, “Giấy cầm cố đất ruộng” lập ngày 15/9/2008 âm lịch. Thỏa thuận thời hạn cố là 06 năm kể từ ngày 15/9/2008 âm lịch đến ngày 15/9/2014 âm lịch là đến hạn chuộc đất, nếu đến hạn mà không chuộc thì bà T tiếp tục canh tác. Năm 2014 do thiếu nợ người khác, bị kiện ra Tòa án và đến giai đoạn thi hành án, khoảng năm 2015 cơ quan thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị phát mãi một phần nằm trong đất cố cho bà T với diện tích khoảng 4,5 đến 4,6 công tầm cây để thi hành án. Ông, bà có đến gặp bà T để thương lượng xin thuê lại phần đất này và bà T đồng ý cho cắt đất để cơ quan thi hành án phát mãi. Phần đất còn lại khoảng hơn 10 công tầm cây bà T vẫn đang trực tiếp sử dụng. Nay ông, bà thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà T, yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng cố đất lập ngày 15/9/2008 âm lịch giữa ông, bà và bà T là vô hiệu. Ông, bà đồng ý trả cho bà T số vàng cố đất 09 lượng vàng 24K.

Ngoài ra, ngày 15/6/2010 âm lịch ông, bà có mượn của bà T số tiền 35.000.000 đồng, không làm giấy tờ, hẹn khi nào bà T cần thì trả. Cách đây khoảng 2 năm bà T có đòi nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên đến nay ông, bà vẫn chưa thanh toán nợ trên. Nay ông K và bà L đồng ý trả cho bà T số tiền 35.000.000 đồng xin trả hạn hai năm, do hoàn cảnh khó khăn.

Quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thạnh Trị ông Trần Thanh L trình bày:

Do ông Võ Sơn K và bà Tạ Kim L đã thanh toán nợ cho Ngân hàng vào ngày 21/02/2019 và đã rút tài sản thế chấp, nên phần đất tại thửa 534, tờ bản đồ số 07, tọa lạc ấp Z, xã Thạnh T, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng hiện không

còn thể chấp và lưu trữ tại Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng xin được vắng mặt và không tham gia trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại tờ tường trình ngày 04/4/2019 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Thành C và ông Kim Điền P là người đại diện theo ủy quyền của ông C trình bày tại Tòa:

Phần diện tích đất ông K, bà L cầm cố hiện do vợ chồng ông C và bà T đang trực tiếp canh tác lúa. Ông C thống nhất toàn bộ trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn là vô hiệu. Buộc ông K và bà L trả cho bà T số vàng 09 lượng vàng 24K, nhưng quy ra giá trị bằng tiền tại thời điểm xét xử sơ thẩm và trả cho bà T số tiền còn nợ 35.000.000 đồng. Buộc bà T và ông C có nghĩa vụ trả lại đất cổ cho ông K và bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Võ Sơn K, bà Tạ Kim L có nơi cư trú tại ấp Z, xã Thạnh T, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông K, bà L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Thạnh Trị có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt lập ngày 26/02/2019, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông K, bà T và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Thạnh Trị.

[2] Về nội dung, đối với hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất:

[2.1] Tại “Giấy cầm cố đất ruộng” lập ngày 15/9/2008 âm lịch được bà T và ông K, bà L thừa nhận thể hiện: Ông Võ Sơn K làm giấy tay cố cho bà Lâm Ngọc T phần đất ruộng có diện tích 15 công tầm điền với giá mỗi công 06 chỉ vàng 10 tuổi (vàng 24K), tổng cộng vàng cố đất là 09 lượng vàng 24K, thời hạn 06 năm kể từ ngày 15/9/2008 âm lịch đến ngày 15/9/2014 âm lịch là hết hạn, ông K có quyền chuộc lại đất và có nghĩa vụ trả lại cho bà T đủ số vàng cố. Tuy trong hợp đồng cố đất nêu trên không thể hiện rõ số thửa đất cố thửa số mấy, tọa lạc tại đâu, do ai đứng tên quyền sử dụng đất. Nhưng quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà T và bị đơn ông K, bà L đều thống nhất đất cố có diện tích 15 công tầm cấy, tại thửa 534, tờ bản đồ số 07, tọa lạc ấp Z, xã Thạnh T, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, do ông Võ Sơn K đứng tên quyền sử dụng đất.

[2.2] Bị đơn ông K, bà L trình bày năm 2014 bị đơn có thương lượng xin cắt một phần trong thửa đất đã cố với diện tích khoảng 4,5 công đến 4,6 công tầm cấy để chuyển nhượng cho người khác trừ nợ, đồng thời thỏa thuận thuê lại phần đất đã cắt và trả tiền thuê đất hàng năm và được bà T đồng ý, hiện bà T còn đang sử dụng đất cố diện tích khoảng 10 công tầm cấy. Trong khi bà T cho rằng phần diện tích ông K, bà L xin cắt để chuyển nhượng cho người khác là 5,5 công tầm cấy, hiện bà và chồng là ông Tạ Thành C chỉ đang canh tác 9,5 công tầm cấy.

[2.3] Căn cứ biên bản thẩm định ngày 02/4/2019 của Tòa án, phần đất các bên cầm cố theo đo đạc thực tế hiện nay còn lại có diện tích 11.689.4m², gồm hai phần, một phần tại thửa 534 và một phần tại thửa 846 (thửa 533 cũ, ông K nhận chuyển nhượng từ Danh Thị H), TĐĐ số 07, tọa lạc ấp Z, xã Thạnh T, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, cả hai thửa trên đều do ông K đứng tên quyền sử dụng, đất hiện do vợ chồng bà T và ông C đang trực tiếp sử dụng, canh tác lúa. Ngoài diện tích nêu trên, không còn phần diện tích đất nào khác mà đương sự thỏa thuận cầm cố. Vì vậy, Tòa án xác định đất cầm cố theo đo đạc thực tế có diện tích 11.689.4m².

[2.4] Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã giao đủ số vàng cố đất cho ông K và bà L 09 lượng vàng 24K và nhận đất canh tác kể từ ngày 15/9/2008 âm lịch cho đến nay. Tuy nhiên, đã quá thời hạn chuộc đất nhưng ông K và bà L vẫn chưa chuộc, nên bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng cầm cố vô hiệu, yêu cầu nhận lại vàng cố 09 lượng vàng 24K, đồng ý giao trả cho bị

đơn diện tích đất cổ. Bị đơn ông K, bà L cũng thống nhất yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất nêu trên là vô hiệu và đồng ý trả lại cho bà T 09 lượng vàng 24K. Căn cứ theo quy định tại Điều 106 của Luật Đất đai năm 2003 quy định về quyền của người sử dụng đất, không quy định người sử dụng được phép cầm cố quyền sử dụng đất. Do đó, giao dịch cầm cố đất giữa các đương sự là vi phạm pháp luật, nên bị vô hiệu theo quy định tại Điều 128 Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy, yêu cầu tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất xác lập ngày 15/9/2008 âm lịch giữa bà T với vợ chồng ông K, bà L vô hiệu toàn bộ là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Do giao dịch dân sự nêu trên bị tuyên vô hiệu, căn cứ Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự bị vô hiệu như sau: *“1. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập.*

2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường”. Giao dịch trên bị tuyên vô hiệu nên buộc bà T, ông C trả lại cho ông K, bà L diện tích đất cầm cố và buộc ông K, bà L trả lại cho bà T số vàng cổ đất 09 lượng vàng 24K là phù hợp. Tuy nhiên, đối với việc trả vàng, sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán là vi phạm điều cấm tại khoản 4 Điều 19 Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ, vì vậy cần buộc ông K, bà L hoàn trả giá trị tương đương 09 lượng vàng 24K tại thời điểm xét xử với số tiền 324.801.000 đồng là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2.6] Hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất vô hiệu nhưng các bên đều không có yêu cầu về lỗi, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Đối với hợp đồng vay tài sản:

[3.1] Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất bà L và ông K còn nợ bà T số tiền 35.000.000 đồng và đồng ý trả trong thời hạn hai năm. Đại diện nguyên đơn không đồng ý. Do bị đơn thừa nhận nợ, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn bà T yêu cầu bị đơn ông K và bà L cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền còn nợ 35.000.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 288, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông K, bà L trả cho bà T số tiền còn nợ 35.000.000 đồng.

[3.2] Về thời gian trả nợ, bị đơn xin trả số tiền trong hai năm, nhưng nguyên đơn không đồng ý, xét yêu cầu của bị đơn thuộc thẩm quyền giai đoạn thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận toàn bộ nên ông K và bà L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với hợp đồng vô hiệu và án phí 5% đối với số tiền trả lại tiền cổ đất 324.801.000 đồng + tiền trả nợ 35.000.000 đồng = 359.801.000 đồng x 5% = 17.990.050 đồng. Tổng cộng tiền án phí ông K và bà L phải nộp là 18.290.050 đồng (mười tám triệu hai trăm chín mươi nghìn không trăm năm mươi đồng) theo quy định của pháp luật.

[5] Về Chi phí đo đạc, thẩm định: 600.000 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông K, bà L phải chịu số tiền này, sau khi ông K, bà L nộp xong hoàn trả cho bà T 600.000 đồng, do bà T đã nộp tạm ứng trước.

[6] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 106 Luật đất đai năm 2003; Điều 128, 137 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 288, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận khởi kiện của bà Lâm Ngọc T.

1. Về hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất:

1.1. Tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất lập ngày 15/9/2008 âm lịch giữa bà Lâm Ngọc T và ông Võ Sơn K, bà Tạ Kim L vô hiệu.

1.2. Buộc ông Võ Sơn K, bà Tạ Kim L cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lâm Ngọc T vàng cổ đất 09 lượng vàng 24K, nhưng quy đổi trả bằng tiền là 324.801.000 đồng (Ba trăm hai mươi bốn triệu tám trăm lẻ một nghìn đồng).

1.3. Buộc bà Lâm Ngọc T và ông Tạ Thành C có nghĩa vụ giao trả cho ông Võ Sơn K và bà Tạ Kim L phần đất cầm cố có diện tích 11.689.4m² theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất và biên bản thẩm định của Tòa án ngày 02/4/2019, đất gồm có hai phần tọa lạc tại ấp Z, xã Thạnh T, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể:

Phần thứ nhất: Tại thửa 534, tờ bản đồ số 07 do ông Võ Sơn Keo đứng tên quyền sử dụng có số đo tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông: giáp thửa 535 có số đo 10,2m (có bờ);
- Hướng Tây: giáp phần còn lại thửa 534 có số đo 17m (có bờ);
- Hướng Nam: giáp Kinh thủy lợi có số đo 356,5m;
- Hướng Bắc: giáp thửa 533 có số đo 357,4m (có bờ kéo dài, riêng phần giáp thửa 533 dài 129m không bờ);

Trên đất ở hướng đông có 07 phần mộ đá.

Phần thứ hai: Tại thửa 533 (cũ), hiện nay là thửa 846 (ông K nhận chuyển nhượng từ Danh Thị H) tờ bản đồ số 07 do ông Võ Sơn K đứng tên quyền sử dụng có số đo tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông: giáp một phần thửa 533 có số đo 53,8m (có bờ);
- Hướng Tây: giáp thửa 669 có số đo 56,7m (có bờ);
- Hướng Nam: giáp thửa 534 có số đo 129m (không bờ);
- Hướng Bắc: giáp thửa 532 có số đo 127,3m (có bờ).

2. Về hợp đồng vay tài sản:

Buộc bị đơn ông Võ Sơn K và bà Tạ Kim L liên đới trả cho nguyên đơn bà Lâm Ngọc T số tiền còn nợ 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Đối với các khoản tiền ông K và bà L trả cho bà T, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Võ Sơn K và bà Tạ Kim L liên đới phải nộp tiền án phí là 18.290.050 đồng (mười tám triệu hai trăm chín mươi nghìn không trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả cho bà Lâm Ngọc T tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.175.000 đồng (một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003269 ngày 31/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Võ Sơn K và bà Tạ Kim L có nghĩa vụ nộp tiền chi phí thẩm định 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), sau khi ông K, bà L nộp xong hoàn trả cho bà Lâm Ngọc T 600.000 đồng do bà T đã nộp tạm ứng trước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- CCTHADS huyện Thanh Trì;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Nam